

Chi tiết mã HS 7211.14.95

Mã HS	7211.14.95
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng dưới 600mm, chưa dát phủ (clad), phủ, mạ (coated) hoặc tráng (plated) / - Chưa được gia công quá mức cán nóng: / - - Loại khác, chiều dày từ 4,75 mm trở lên: / - - - Loại khác: / - - - - Tấm phổ dụng (SEN)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	01/11/2026 08:39:40
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/72111495/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11162
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11162
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q11162
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

ACFTA	0 (-MY, TH)	0% (trừ MY, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AANZFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10476
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10427
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10427
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10427
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10427
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10427
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10427
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10479
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10479
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10479
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10479

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10479
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10479
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10480
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10480
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10480
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10480
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10480
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10480
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F10481
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		3	AANZ!H10433
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F10439
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G10439
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H10439
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I10439
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J10439
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K10439
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10464
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10464
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10464
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10464
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10464
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10464
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10517
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10517
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10517
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10517

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10517
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10517
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10502
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10502
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10502
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10502
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10502
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10502
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10502
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10502
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10502
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10502
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10502
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10502
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10519
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10519
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10519
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10519
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10519
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10519
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10518
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10518
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10518
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10518
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10518
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10518

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10465
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10465
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10465
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10465
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10465
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10465
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10465
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10496
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10496
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10496
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10496
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10496
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10496
RCEP B	2022	2022	0	B!D10496
RCEP B	2023	2023	0	B!E10496
RCEP B	2024	2024	0	B!F10496
RCEP B	2025	2025	0	B!G10496
RCEP B	2026	2026	0	B!H10496
RCEP B	2027	2027	0	B!I10496
RCEP C	2022	2022	0	C!D10496
RCEP C	2023	2023	0	C!E10496
RCEP C	2024	2024	0	C!F10496
RCEP C	2025	2025	0	C!G10496
RCEP C	2026	2026	0	C!H10496
RCEP C	2027	2027	0	C!I10496
RCEP D	2022	2022	0	D!D10495

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E10495
RCEP D	2024	2024	0	D!F10495
RCEP D	2025	2025	0	D!G10495
RCEP D	2026	2026	0	D!H10495
RCEP D	2027	2027	0	D!I10495
RCEP E	2022	2022	0	E!D10499
RCEP E	2023	2023	0	E!E10499
RCEP E	2024	2024	0	E!F10499
RCEP E	2025	2025	0	E!G10499
RCEP E	2026	2026	0	E!H10499
RCEP E	2027	2027	0	E!I10499
RCEP F	2022	2022	0	F!D10496
RCEP F	2023	2023	0	F!E10496
RCEP F	2024	2024	0	F!F10496
RCEP F	2025	2025	0	F!G10496
RCEP F	2026	2026	0	F!H10496
RCEP F	2027	2027	0	F!I10496
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9710
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9710
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9710
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9710

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AANZFTA 3%, AKFTA 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (0%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 0%		Cần nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7211.14 có 8 dòng thuế; dòng 7211.14.95 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Tấm phổ dụng (SEN).	7211.14.14 Dạng lượn sóng; 7211.14.15 Dạng cuộn để cán lại (SEN); 7211.14.16 Dạng đai và dải(SEN); 7211.14.17 Tấm phổ dụng (SEN); 7211.14.19 Loại khác; 7211.14.94 Dạng đai và dải(SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cần nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 7211.14.95 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 7211.14.95	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ-mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Sản phẩm thép cuộn phẳng không gia công quá mức cuộn nóng, chưa được dát phủ, mạ hoặc tráng > Thép không hợp kim cuộn phẳng không gia công quá mức cuộn nóng, có chiều rộng < 600mm, chưa được dát phủ, mạ hoặc tráng. (Tham chiếu mã HS 6 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7211.14.95. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7211.14.95 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11162), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn
--------	-------	------------------------------	---	--	---------------	--	---------------------------------------

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.